

Số: 93 /KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 11 năm 2012

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: . . . 107A
	Ngày: 20/11
	Chuyên:

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án trợ giúp người khuyết tật
tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 - 2020

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020; Công văn số 2722/LĐTBOXH-BTXH ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn Thừa Thiên Huế.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2006 - 2011

1. Thực trạng công tác trợ giúp người khuyết tật

Thực hiện Pháp lệnh trợ giúp người tàn tật; Quyết định số 239/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 về phê duyệt Đề án Trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006 - 2010; Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007; Nghị định 13/2010/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2007/NĐ-CP và gần đây nhất là Luật Người khuyết tật; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số: 39/KH-UB ngày 30 tháng 4 năm 2008 triển khai thực hiện việc trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006-2010; Các Quyết định về việc quy định chế độ nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội trong đó có người khuyết tật phù hợp với địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tính đến tháng 8 năm 2012, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 11.299 người khuyết tật sống tại cộng đồng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng với mức tối thiểu là: 180.000 đồng/người/tháng; hơn 650 người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập; hàng trăm lượt người khuyết tật được trợ giúp các phương tiện hỗ trợ như xe lăn, xe lắc, máy trợ thính, gậy, nạng nách...

Một số nhóm người khuyết tật khác được các chương trình, dự án hỗ trợ vốn để tạo sinh kế cải thiện cuộc sống, được chăm sóc sức khỏe, được tham gia các lớp tập huấn để vượt qua mặc cảm tật nguyền vươn lên và từng bước hòa nhập với các hoạt động của xã hội. Việc dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật cũng được các địa phương chú ý. Với 6 cơ sở sản xuất kinh doanh, 2 cơ sở vừa học vừa làm thu hút gần 300 người khuyết tật có việc làm. Riêng Hội Bảo trợ Người tàn tật và trẻ em mồ côi giải quyết cho vay tạo việc làm, không lấy lãi với 254 triệu đồng. Có khoảng 1.500/5.000 người khuyết tật có nhu cầu được học nghề.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh phần lớn Hội Người mù ở các huyện, thị xã và thành phố Huế thường xuyên dạy nghề và giải quyết việc làm cho hội viên, các cơ

sở đào tạo nghề của các hội, đoàn thể, tổ chức cũng đang mở nhiều lớp dạy nghề cho người khuyết tật người khuyết tật. Hoạt động văn hóa, thể thao cho người khuyết tật được tổ chức hàng năm, công tác giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật ngày càng được chú trọng.

Đặc biệt trong năm 2011 và 2012, Hội người khuyết tật tỉnh và một số Hội người khuyết tật huyện, xã đã được thành lập và đi vào hoạt động. Đây là cơ sở thuận lợi để tiến hành vận động và thực hiện các hoạt động trợ giúp cho người khuyết tật trong thời gian đến. Tuy nhiên, các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật vẫn còn nhiều bất cập, cụ thể là:

- Công tác tuyên truyền phổ biến văn bản và chính sách liên quan đến người khuyết tật cũng còn hạn chế. Hiện nay, do thiếu hiểu biết, nên một số người khuyết tật vẫn còn bị xa lánh, kỳ thị. Gia đình phải chăm sóc lâu dài cùng với khó khăn về kinh tế nên họ chán nản.

- Thiếu quy trình và nhân viên công tác xã hội làm nhiệm vụ phát hiện, can thiệp và trợ giúp người khuyết tật tại cộng đồng.

- Tiêu chí phân hạng, phân loại người khuyết tật để thụ hưởng các chính sách chậm được hướng dẫn thực hiện.

- Mặc dù Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để xã hội hóa các cơ sở Bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật theo Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/8/2008, nhưng đến nay số cơ sở Bảo trợ xã hội chuyên chăm sóc, phục hồi chức năng cho người khuyết tật còn hạn chế.

- Cán bộ, nhân viên làm công tác chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật nặng ở cơ sở Bảo trợ xã hội còn rất thiếu so với quy định tiêu chuẩn chăm sóc hiện hành. Phần lớn chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Thiếu các điều kiện phụ trợ, phương tiện, dụng cụ phục hồi chức năng chuyên biệt cho từng loại khuyết tật.

- Chưa có khảo sát, thống kê nào về số người khuyết tật mới nảy sinh để cập nhật đầy đủ.

- Công tác phát hiện, can thiệp và phục hồi chức năng cho người khuyết tật phải dựa trên 2 khía cạnh, vừa xã hội vừa y tế nhưng đội ngũ cán bộ công tác xã hội đang hình thành, cơ chế phối hợp chưa xây dựng nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

2. Dự báo số người khuyết tật giai đoạn 2012-2020

Hiện nay ước tính cả tỉnh có khoảng 29.000 người khuyết tật, chiếm khoảng 2,63% dân số. Bao gồm các dạng tật sau: khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật thần kinh, tâm thần; khuyết tật trí tuệ; khuyết tật khác. Tỷ lệ nam là người khuyết tật cao hơn nữ do các nguyên nhân hậu quả chiến tranh, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn thương tích...

Xuất phát từ những căn cứ pháp lý, điều kiện thực tiễn và dự báo của địa phương, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012- 2020 trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân; tạo điều kiện để người khuyết tật vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của cộng đồng dân cư quan tâm, trợ giúp người khuyết tật. Tạo môi trường thuận lợi để người khuyết tật được tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội;

Cải thiện nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật. Xây dựng môi trường xã hội ngày càng chăm lo tốt hơn quyền lợi của người khuyết tật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2012 - 2015

- Hằng năm 70% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 70% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 750 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp;

- 60% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

- 390 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

- Ít nhất 50% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

- Ít nhất 20% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương.

- 30% người khuyết tật được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- 20% người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 25% người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động và luyện tập thể dục, thể thao.

- 90% người khuyết tật được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 70% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; 40% gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; 30% người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- Hằng năm 90% số người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 90% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 800 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 70% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

- 800 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

- 100% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

- Ít nhất 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương.

- 50% người khuyết tật được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- 30% người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 40% người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động và luyện tập thể dục, thể thao.

- 100% người khuyết tật được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 90% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc, hỗ trợ, tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám sát, đánh giá trong công tác trợ giúp người khuyết tật; 60% gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; 50% người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Phát hiện sớm, can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật với các hoạt động sau

a) Điều tra, rà soát số người khuyết tật trên địa bàn để làm cơ sở dữ liệu thực hiện các chính sách liên quan.

b) Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

c) Triển khai thực hiện chương trình can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp người khuyết tật, đặc biệt là tuyên y tế cơ sở.

2. Trợ giúp tiếp cận giáo dục

a) Hỗ trợ triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý tham gia giáo dục trẻ khuyết tật; giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật trí tuệ; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật ngôn ngữ, tự kỷ.

b) Cung ứng các tài liệu học tập hỗ trợ cho học sinh khiếm thính, sách chữ nổi cho học sinh khiếm thị, học sinh khuyết tật.

3. Dạy nghề, tạo việc làm

a) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn viên việc làm cho người khuyết tật;

b) Tư vấn học nghề, việc làm theo khả năng của người khuyết tật;

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình dạy, học nghề gắn với tạo việc làm cho người khuyết tật;

d) Xây dựng thí điểm mô hình phục hồi chức năng lao động cho người khuyết tật tại một xã, phường, thị trấn;

đ) Vận động thành lập một cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh.

Kinh phí dạy nghề cho người khuyết tật được bố trí trong Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề với mức hỗ trợ tối đa 6 triệu đồng/người/khoá học.

4. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng

a) Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng;

b) Xây dựng một số mô hình thí điểm về tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng để phổ biến nhân rộng;

5. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng;

b) Vận động, xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông;

6. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

a) Phổ biến, ứng dụng công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông;

b) Ứng dụng các công cụ tiện ích hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông;

c) Xây dựng các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật trên địa bàn tỉnh;

7. Trợ giúp pháp lý

a) Truyền thông về trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thông qua các hoạt động thích hợp;

c) Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.

8. Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

a) Tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc cho người khuyết tật;

b) Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu;

c) Tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước.

9. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá

a) Tổ chức tuyên truyền pháp luật về người khuyết tật và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp người khuyết tật;

b) Phổ biến và ứng dụng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;

c) Tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật;

d) Tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật;

đ) Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật thông qua các mô hình có hiệu quả tại các tỉnh, thành phố;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về người khuyết tật toàn tỉnh;

g) Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Kế hoạch và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

IV. CÁC GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp người khuyết tật, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp người khuyết tật.

2. Đề cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp người khuyết tật.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học trên các lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện và can thiệp sớm, trị liệu tâm lý, phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

4. Tăng cường hợp tác với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để trợ giúp cho người khuyết tật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Các Sở, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng phương án cụ thể triển khai Kế hoạch; tổ chức thực hiện việc dạy nghề, tạo việc làm và nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá; hàng năm, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày kỷ niệm ngày Người khuyết tật Việt Nam hàng năm; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2015 và tổng kết vào cuối năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về trợ giúp người khuyết tật.

3. Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch và xây dựng chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật.

4. Sở Y tế tổ chức thực hiện hoạt động phát hiện sớm, can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp người khuyết tật tiếp cận giáo dục.

6. Sở Xây dựng tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng.

7. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông cho người khuyết tật.

8. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

9. Sở Tư pháp tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

11. UBND thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và các huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm về trợ giúp người khuyết tật; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Liên đoàn Lao động; Hội Liên hiệp phụ nữ; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Liên minh hợp tác xã; Hội Chữ thập đỏ; Hội người khuyết tật; Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi; Hội chất độc da cam/dioxin; Hội người Mù và các tổ chức liên quan khác, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện của các ngành, các địa phương về các nội dung tại Kế hoạch này; tham mưu nội dung tổ chức họp sơ kết đánh giá tình hình thực hiện, xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, báo cáo thường xuyên với Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình, triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị có tên tại Mục VI;
- CVP, PCVP Đoàn Thanh Vinh;
- Lưu: VT, XH.



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hòa